TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẨM MỸ** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2019/HNGĐ-ST
Ngày 18-9-2019
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM MỸ, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Hà Thế Nam

Các Hội thẩm nhân dân: ông Lê Văn Bình

ông Đinh Văn Phúc

- Thư ký phiên tòa: bà Trần Thị Hoài Minh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: ông Dương Văn Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 67/2019/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2019 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/8/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 54/2019/QĐST-HNGĐ ngày 30/8/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị Yến V, sinh năm: 1996, nghề nghiệp: công nhân; nơi đăng ký thường trú và cư trú: số 27/2, ấp T, xã X, huyện XL, tỉnh Đồng Nai. (có mặt)

2. Bị đơn: anh Đặng Quang H, sinh năm: 1995, nghề nghiệp: công nhân; nơi đăng ký thường trú và cư trú: tổ 3, ấp L, xã X, huyện CM, tỉnh Đồng Nai. (vắng mặt)

3. Người làm chứng: chị Lê Thị D, sinh năm: 1983, địa chỉ: tổ 3, ấp L, xã X, huyện CM, tỉnh Đồng Nai. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Yến V trình bày: chị và anh Đặng Quang H quen biết nhau qua mạng xã hội, sau đó tìm hiểu khoảng 2 năm thì tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X vào khoảng cuối năm 2017; đây là hôn nhân đầu tiên của cả hai người. Sau khi kết hôn vợ chồng sống cùng với cha mẹ anh H tại xã X cho đến khi chị có thai tháng thứ 6 thì cha mẹ anh H và anh H đồng ý để chị về nhà cha mẹ đẻ của chị dưỡng thai và sinh con; thời gian đầu khi chưa sinh con thì anh H vẫn còn có sự quan

tâm, thỉnh thoảng ghé thăm chị, nhưng kể từ khi chị sinh con đến nay thì anh H cũng như gia đình chồng không hề quan tâm hỏi han hay đến thăm chị và con, không những vậy anh H cũng không hề có trách nhiệm gì với vợ con, không chu cấp tiền để chi trả chi phí sinh nở hay hỗ trợ nuôi con. Nguyên nhân anh H có hành động như vậy là do không tin tưởng chị, anh luôn nghi ngờ bất cứ điều gì chị nói ra, từ đó vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, cãi nhau rồi không liên lạc đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn anh H.

Vợ chồng có 01 con chung tên Đặng Nguyễn Đăng K, sinh ngày: 20/9/2018, khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu K, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: chị xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn là anh Đặng Quang H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt nên Tòa án không thu thập được ý kiến của anh H trong hồ sơ vụ án.

* Theo biên bản lấy lời khai ngày 30/7/2019, người làm chứng là chị Lê Thị D trình bày: chị là chị dâu họ của anh Đặng Quang H, nhà chị ở cạnh nhà cha mẹ anh H; vợ chồng anh H, chị V mâu thuẫn như thế nào thì chị không rõ nhưng từ khi chị V về nhà mẹ đẻ để nghỉ dưỡng và sinh con đến nay không thấy quay về chung sống với anh H nữa. Khi Tòa án gửi văn bản, giấy tờ cho anh H thì chị là người nhận thay và đều có giao lại cho anh H nên biết được là chị V đang yêu cầu ly hôn; chị có hỏi thì anh H cho biết là khi anh H sang nhà cha mẹ vợ xin photo hồ sơ sinh con để nộp cho công ty nơi anh H làm việc thì gia đình chị V không đưa nên từ đó anh H không ghé nhà vợ thêm lần nào nữa; anh H còn nói chị V muốn ly hôn thì tự đi, anh H không ra tòa.

* Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: Về quan hệ pháp luật, việc thu thập chứng cứ, việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng và của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX) thực hiện đúng theo quy định pháp luật; quyền và nghĩa vụ tố tụng của các đương sự được đảm bảo; bị đơn không chấp hành pháp luật, vắng mặt tại phiên tòa xét xử lần 2 nên Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp. Về áp dụng pháp luật: đề nghị áp dụng các điều 56, 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 (sau đây viết tắt là Luật HN&GĐ) để giải quyết vụ án. Về quan điểm giải quyết vụ án: đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị V được ly hôn anh H; giao cháu K cho chị V nuôi dưỡng; tạm thời anh H không phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung không đặt ra xem xét do không có ai yêu cầu; về án phí: chị V phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: chị Nguyễn Thị Yến V có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề về ly hôn và giao quyền nuôi con chưa thành niên nên xác định đây là vụ án "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS), trong đó chị V là nguyên đơn, anh H là bị đơn.

Bị đơn (anh Đặng Quang H) được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp.

[2] Về nội dung: Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị Yến V và anh Đặng Quang H tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 187 ngày 21/11/2017, hôn nhân giữa hai người là hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị V nhận thấy: theo nguyên đơn thì chị và anh H đã không sống chung khoảng hơn 01 năm nay, ban đầu là do vợ chồng thỏa thuận để cho chị V về nhà cha mẹ đẻ nghỉ dưỡng chờ sinh con nhưng thời gian về sau do vợ chồng mâu thuẫn, anh H nghi ngờ chị và không quan tâm đến vợ con nên chị V quyết định tiếp tục ở lại nhà cha mẹ đẻ sinh sống mà không quay về sống chung với anh H. Theo người làm chứng là chị Lê Thị D thì do mâu thuẫn vợ chồng nên từ lúc chị V về nhà cha mẹ để để sinh con đã không quay về sống với anh H nữa và khi nhận được văn bản của Tòa án thì anh H đã xác định chị V muốn ly hôn thì tự ly hôn chứ anh không đến tòa. Từ cơ sở trên nhận thấy mâu thuẫn giữa chị V và anh H thật sự trầm trọng tới mức không thể tiếp tục cuộc sống chung, hôn nhân không đạt được mục đích, do đó HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị V được ly hôn anh H.

[3] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: từ lúc được sinh ra cho đến nay, cháu Đặng Nguyễn Đăng K (dưới 36 tháng tuổi) do chị V trực tiếp nuôi dưỡng, anh H cũng không có yêu cầu được quyền nuôi con nên HĐXX chấp nhận giao cháu K cho chị V tiếp tục nuôi dưỡng theo yêu cầu của chị V là phù hợp. Do chị V không yêu cầu nên tạm thời anh H không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: không ai yêu cầu nên không xem xét.

[5] Về án phí: chị Nguyễn Thị Yến V phải nộp án phí theo quy định.

[6] Quan điểm của Kiểm sát viên về thủ tục tố tụng, pháp luật áp dụng và đường lối giải quyết vụ án là phù hợp pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 28, 35, 39, 147, 227 và 228 của BLTTDS; các điều 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật HN&GĐ; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: cho chị Nguyễn Thị Yến V được ly hôn anh Đặng Quang H.

2. Về con chung, cấp dưỡng: giao cháu Đặng Nguyễn Đăng K, sinh ngày: 20/9/2018 cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng.

Tạm thời anh H không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung được pháp luật bảo vệ đến khi con chung trưởng thành và có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân.

3. Về tài sản chung, nợ chung: không xem xét.

4. Về án phí: chị Nguyễn Thị Yến V phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà chị V đã nộp tại biên lai thu tiền số 004705 ngày 28/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Mỹ; chị V đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; riêng bị đơn vắng mặt nên thời hạn kháng cáo 15 ngày được tính từ ngày nhận tống đạt hợp lệ bản án theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Cẩm Mỹ;
- Chi cục THADS huyện Cẩm Mỹ;
- UBND xã X;
- Các đương sự;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(đã ký tên và đóng dấu)

Hà Thế Nam